

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2024

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXX-ST ngày 06/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1989

HKTT: Số nhà 721, đường Long Hưng, tổ 07, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Số nhà 470, đường Trần Thánh Tông, tổ 03, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Đại T, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số nhà G, đường L, tổ G, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
(Chị H1 mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H kết hôn với anh Trần Đại T1 cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H8 phố T, tỉnh Thái Bình vào/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ G, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nợ nần và ghen tuông mù quáng dẫn đến có hành vi đánh đập, đe dọa, xúc phạm chị. Gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đại T.

Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh Trần Đại T có 02 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 13/9/2009 và Trần Mai C, sinh ngày 29/5/2015. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Trần Mai C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Anh V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Lý do chị nhận nuôi con vì chị làm nghề buôn bán hoa quả có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Chị có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Đại T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên không thể hiện quan điểm.

- Tại biên bản xác minh với ông Trần Văn S, sinh năm 1964 (bố đẻ của anh Trần Đại T) thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Đại T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H8, được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T chị H chung sống cùng vợ chồng ông ở tổ G, phường H, thành phố T. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng tính cách, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc tạo dựng kinh tế gia đình. Mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ trước Tết Nguyên đán năm 2024, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh T đã động viên chị H quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Đối với việc chị H xin ly hôn anh T, gia đình ông mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con cái.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Kể từ khi vợ chồng ly thân, các cháu vẫn sống cùng với ông bà và anh T, thỉnh thoảng chị H có đến đón các cháu về chơi. Trường hợp anh T, chị H ly hôn, vì anh chị đã trưởng thành

nên anh chị tự quyết định việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng ông không can thiệp.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H tự giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình thể hiện:* Vợ chồng anh T, chị H kết hôn hợp pháp vào ngày 10/3/2009. Vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ của anh T ở tổ G, phường H, thành phố T. Quá trình chung sống giữa anh T chị H thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, thậm chí đánh nhau. Nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong tạo dựng kinh tế gia đình. Khoảng đầu năm 2024, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay. Việc chị H xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh T có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Các cháu hiện đang sống cùng ông bà nội và bố đẻ là anh T. Đối với việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của các cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Địa phương không nắm rõ.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Đại T là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh T hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố T, tỉnh T nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Thành đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa...

nhưng anh T vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh T pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 08 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi cự nhau. Từ đầu năm 2024, chị H đã quyết định sống ly thân với anh T cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị H xin ly hôn nhưng anh Thành không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Hạnh được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Anh V, sinh ngày 13/9/2009 và Trần Mai C, sinh ngày 29/5/2015, hiện đang ở cùng anh T và ông bà nội. Ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao con chung Trần Mai C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Anh V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T không bày tỏ quan điểm gì. Xét thấy, hiện con chung đều đã trên 7 tuổi, khoẻ mạnh và phát triển bình thường. Con C có nguyện vọng ở với mẹ, con V có nguyện vọng ở cùng bố. Bản thân chị H trong thời gian ly thân vẫn về thăm nom con chung. Chị H có điều kiện về chỗ ở và có thu nhập. Do đó cần chấp nhận nguyện vọng của chị H và 02 con chung, giao con chung Trần Mai C cho chị H nuôi dưỡng, giao con Trần Anh V cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không bày tỏ quan điểm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H ly hôn anh Trần Đại T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Trần Anh V, sinh ngày 13/9/2009 cho anh Trần Đại T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Mai C, sinh ngày 29/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001192 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Đại T quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- UBND phường Hoàng Diệu, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng

